TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/DS-ST
Ngày: 27/09/2017
V/v: Chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Mạnh;
2. Bà Hoàng Thị Cam.

Thư ký phiên toà:Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai,thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai: Bà Nguyễn Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 27/09/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 09/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 04 năm 2017 về việc: "Chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXX-ST ngày 12/09/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị S (D) - sinh năm:1950

Trú tại: Tổ 3 khu dân cư B – Phường H – Quận H – Hà Nội

(Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị H- Sinh năm:1947

Trú tại: Tổ 3 khu dân cư B – Phường H – Quận H – Hà Nội

(Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đình S1– Sinh năm:1967

Trú tại: Tổ 1 khu dân cư B – Phường H – Quận H – Hà Nội

- Chị Nguyễn Thị M- Sinh năm: 1957

Trú tại: Số 8 ngõ Q1 – Phường H – Quận Đ – Hà Nội

- Chị Trần Thị M1 – Sinh năm: 1956

Trú tại: Tổ 2 khu dân cư B – Phường H – Quận H – Hà Nội

- Anh Trần Bá T – Sinh năm: 1957

- Anh Trần Bá Th– Sinh năm:1960
- Chị Trần Thị Đ – Sinh năm: 1969

Cùng trú tại: Tổ 1 khu dân cư B - Phường H – Quận H – Hà Nội

- Chị Trần Thi Tg: Sinh năm: 1964

Trú tại: Ngõ 98 phố N - Phường K - Quận T - Hà Nội.

- Bà Lưu Thị Tr- Sinh năm: 1942

- Bà Lưu Thị B- sinh năm:1956

- Bà Lưu Thị T2 (Th) - sinh năm: 1961

Cùng trú tại: Tổ 3 khu dân cư B – Phường H – Quận H – Hà Nội

(Anh S1, chị M, chị M1, anh T, anh Th, chị Tg, chị Đ, bà Tr, bà B, bà T2(Th) ủy quyền cho bà Lưu Thị S (D)). (Có mặt)

- Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị (Hud)

Trụ sở: Tòa nhà Hud 37 đường L **–** Quận T - Hà Nội
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S (theo văn bản ủy quyền 1555/UQ ngày 03/07/2017) . (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Trụ sở: Phường Thịnh Liệt – Quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội
Đại diện theo ủy quyền của UBND Quận Hoàng Mai:
Ông Nguyễn Đình C – Trưởng phòng Tài Nguyên và môi trường quận Hoàng Mai (theo văn bản ủy quyền số 2729/UBND-TP ngày 19/09/2017).

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 03 năm 2017 và các lời khai tại bản tự khai, văn bản tố tụng tại tòa của nguyên đơn là bà Lưu Thị S (D) trình bày:

Bố bà là Cụ Lưu Bách Q chết tháng 08/1980, mẹ bà là cụ Trần Thị K chết 30/01/2007. Khi bố mẹ bà chết không để lại di chúc.

Bố bà có 02 vợ là Nguyễn Thị C1 và Trần Thị K: Bà cả là Nguyễn Thị C1 chết năm 1930, cụ C1 và cụ Q có 02 người con là Lưu Thị Ch và Lưu Thị S2.

Bà Ch có chồng là Nguyễn Đình N (bà Ch, ông N có 02 người con là Nguyễn Đình S1và Nguyễn Thị M). Bà Ch chết năm 1998, ông N chết ngày 15/03/ 2017.

Bà S1 có chồng là Trần Bá V, (bà S2 và ông V có 05 người con là Trần Thị M1, Trần Bá T, Trần Bá Th, Trần Thị Tg và Trần Thị Đ). Bà S2 chết năm 2011, ông V chết năm 2014.

Bố và mẹ bà (cụ Trần Thị K) có 05 người con gồm: Lưu Thị Tr, Lưu Thị H, Lưu Thị S (D), Lưu Thị B, Lưu Thị T2 (Th).

Năm 1997 mẹ bà và bà được nhà nước giao đất sản xuất đất nông nghiệp theo nghị định 64/CP với tổng diện tích được giao là 1002m2. Năm 1998 nhà nước có thu hồi 39m2, số còn lại là 963m2. Năm 2008 dự án Tây Nam Linh Đàm thu hồi hết 963m2 và bồi thường là 550.336.160 đồng và 60m2 đất dịch vụ. Năm 2007 mẹ bà chết không để lại di chúc. Do vậy bà yêu cầu chia thừa kế phần thừa kế của mẹ bà là 275.168.080 đồng và 30m2 đất dịch vụ. 1/2 phần tiền còn lại là 275.168.080 đồng và 30m2 đất dịch vụ là phần của bà thì trả lại cho bà quản lý sử dụng.

Bà cũng xác định thửa đất của mẹ bà và bà không có tránh chấp, không khởi kiện trong các vụ án khác. Do hiện tại bà chưa lấy được đất dịch vụ và tiền bồi thường là phần của bà nằm cùng trong tổng diện tích của mẹ bà là cụ Trần Thị K nên bà khởi kiện ra Tòa. Hơn nữa trước khi đưa đơn ra Tòa, khi nói chuyện với bà H để các chị em trong gia đình thỏa thuận thống nhất cùng ký ra nhận tiền, nhận đất nhưng bà H không ký không hợp tác nên bà không lấy được tiền và đất dịch vụ, bởi vậy bà mới khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Bị đơn là bà Lưu Thị H trình bày: Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, thời điểm cụ Q, cụ C1, cụ K chết, hàng thừa kế cũng như nguồn gốc số tiền và diện tích đất dịch vụ được đền bù. Đối với quan điểm của bà Lưu Thị S (D) khởi kiện bà có quan điểm, nếu đã chia thừa kế thì con chung, con riêng, con nuôi đều có quyền và hưởng như nhau. Bà đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì bà nghĩ đây là việc trong gia đình, gia đình sẽ tự giải quyết được với nhau, không cần phải Tòa án giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đình S1, chị Nguyễn Thị M, chị Trần Thị M1, anh Trần Bá T, anh Trần Bá Th, chị Trần Thị Tg, chị Trần Thị Đ, bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th) ủy quyền cho bà Lưu Thị S (D) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, thời điểm cụ Q, cụ C1, cụ K chết cũng như nguồn gốc đất và số tiền được bồi thường. Việc giải quyết như thế nào thì anh S1, chị M, chị M1, anh T, anh Th, chị Trần Thị Tg, chị Đ, bà Tr, bà B, bà T2 (Th) đều nhất trí đồng ý với quan điểm của bà S (D) và không có ý kiến gì khác.

- *Bà Lưu Thị T2 (Th) trình bày*: Nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn , bị đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc tài sản thừa kế của cụ Trần Thị K để lại. Bà không có ý kiến gì và nhất trí với ý kiến của bà S (D).

- *Tổng công ty phát triển nhà nhà và đô thị (Hud) do ông Nguyễn Ngọc S làm đại diện theo ủy quyền trình bày:* Phần diện tích đất của cụ Trần Thị K và bà S (D) nằm trong dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm và phía Tổng công ty đều đã làm các thủ tục cần thiết theo đúng quy trình. Tuy nhiên hiện số tiền bồi thường hộ gia đình chưa nhận và đang được Tổng Công ty HUD gửi vào kho bạc nhà nước. Khi nào hộ gia đình cử người đại diện hợp pháp ra xin nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được hội đồng Bồi thường, hộ trợ và tái định cư quận Hoàng Mai phê duyệt thì chủ đầu tư Tổng công ty HUD sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng để tiến hành chi trả tiền và thực hiện các bước tiếp theo quy định để giao đất và hộ gia đình mới nhận được đất dịch vụ theo đúng thủ tục.

- *Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội do ông Nguyễn Đình C đại diện theo ủy quyền:* Không có ý kiến gì và đề nghị xin xét xử vắng mặt.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- *Nguyên đơn bà Lưu Thị S (D) trình bày:* Đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị K là 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ theo quy đinh. Phía nguyên đơn cũng đồng ý với tổng số tiền được phia bên Tổng công ty HUD đền bù, hỗ trợ cho cụ K và bà S (D) là 463.592.240 đồng và 60m2 đất dịch vụ. Phần di sản thừa kế của cụ K sẽ là 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ chứ không phải như ý kiến của nguyên đơn khi khởi kiện ban đầu.

- *Bị đơn bà Lưu Thị H trình bày:*Đề nghị Tòa án xử bác đơn khởi kiện của phía nguyên đơn để về chị em tự thỏa thuận, tự hòa giải đi lấy tiền lấy đất do nhà nước bồi thường. Bà không kiện, không có tranh chấp gì với ai.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình S1, chị Nguyễn Thị M, chị Trần Thị M1, anh Trần Bá T, anh Trần Bá Th, chị Trần Thị Tg, chị Trần Thị Đ, bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th) ủy quyền cho bà Lưu Thị S (D) trình bày:* Vẫn như nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa đồng thời cũng nhất trí với ý kiến của bà Lưu Thị S (D) và không có ý kiến gì .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai có quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản đã được Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không thành, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án và thời hạn đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã vi phạm chậm thời hạn giải quyết nhưng vì lý do khách quan nên Viện kiểm sát không kiến nghị chỉ rút kinh nghiệm tại phiên tòa.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lưu Thị S (D) về việc yêu cầu chia thừa kế của cụ Trần Thị K. Xác định những người thừa kế của cụ K gồm: các bà Lưu Thị Tr, Lưu Thị H, Lưu Thị S (D), Lưu Thị B, Lưu Thị T2 (Th), Lưu Thị S1 và Lưu Thị Ch. Tài sản thừa kế của cụ K tạm xác định là 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ được bồi thường. Giao cho bà Lưu Thị S (D) đại diện cho gia đình liên hệ với Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị nhận tiền và phần đất dịch vụ được bồi thường. Bà S (D) có trách nhiệm thanh toán lại cho những người được thừa kế còn lại phần tiền bồi thường và giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất được chia ở mỗi kỷ phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Bà Lưu Thị H (sinh năm 1947, địa chỉ: Tổ 3 khu dân cư B – Phường H - Quận H - thành phố Hà Nội), yêu cầu chia thừa kế tài sản là số tiền 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ tại khu dân cư B – Phường H- Quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội. Đây là tiền nhà nước bồi thường thu hồi đất sản xuất nông nghiệp giao cho mẹ bà là cụ Trần Thị K theo nghị định 64/CP. Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai giải quyết.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Q mất tháng 08/1980, cụ C1 mất năm 1930. Cụ K mất 2007. Ngày 07/04/2017 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K căn cứ Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu chia thừa kế tài sản của nguyên đơn là còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Bà Lưu Thị S (D) là người khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị K nên bà Lưu Thị S (D) tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Bà Lưu Thị H là một trong các đồng thừa kế được hưởng di sản nhưng bà H không thống nhất với các đồng thừa kế và bị bà S khởi kiện nên bà H tham gia với tư cách là bị đơn.

Cụ Q và cụ K có 05 người con là Lưu Thị Tr, Lưu Thị H, Lưu Thị S (D), Lưu Thị B, Lưu Thị T2 (Th).

Cụ Q và cụ C1 có 02 người con là Lưu Thị Ch và Lưu Thị S2. Bà Ch có chồng Nguyễn Đình N chết năm 2017, có 02 người con là anh S1 và chị M. Bà

S2 chết, có chồng là Ông Trần Bá V chết năm 2014 có 05 người con là chị M1, anh T, anh Th, chị Tg và chị Đ.

Như vậy xác định bà Tr, bà B, bà T2 (Th), anh S1, chị M, chị M1, anh T, anh T, chị Tg và chị Đ là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với Tổng công ty đầu t□phát triển nhà và đô thị (Hud) là người chủ đầu tư, người trực tiếp bồi thường và trả tiền, trả đất . Còn Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai là cơ quan đang quản lý thửa đất vì thửa đất thuộc địa bàn quận và khi trả đất, trả tiền cần có sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai và chủ đầu tư. Do vậy Tổng công ty đầu t□phát triển nhà và đô thị (Hud) và Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình tố tụng bà Tr, bà B, bà T2 (Th), anh S1, chị M, chị M1, anh T, anh Th, chị Tg và chị Đ đều có bản tự khai và đều ủy quyền cho bà S (D). Tổng công ty phát triển nhà nhà và đô thị (Hud) có đơn từ chối tham gia tố tụng. Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung:

Về di sản thừa kế:

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất xác nhận tài sản của cụ Trần Thị K để lại gồm số tiền 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ. Hiện cụ K chết, không để lại di chúc toàn bộ diện tích đất và số tiền trên được xác định là di sản thừa kế của cụ K để lại.

Về diện và hàng thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác nhận: Cụ Q có 02 vợ là cụ C1 và cụ K. Cụ Q và cụ C1 có 02 người con là Lưu Thị Ch và Lưu Thị S2.

Bà Ch và ông Nguyễn Đình N có 02 người con là Nguyễn Đình S1 và Nguyễn Thị M.

Bà S2 và ông Trần Bá V có 05 người con là Trần Thị M1, Trần Bá T, Trần Bá Th, Trần Thị Tg và Trần Thị Đ.

Cụ Q và cụ Trần Thị K có 05 người con: Lưu Thị Tr, Lưu Thị H, Lưu Thị S (D), Lưu Thị B, Lưu Thị T2 (Th).

Cụ Trần Thị K chết năm 2007, đây là thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Thị K để lại. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ K gồm: Bà Lưu Thị S (D), bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th), bà Lưu Thị Ch, bà Lưu Thị S2, bà Ch là con riêng của cụ Q và cụ C1).

Bà Lưu Thị Ch chết năm 1998, có chồng Nguyễn Đình N chết tháng 3/2017, ông bà có 02 người con Nguyễn Đình S1và Nguyễn Thị M.

Bà Lưu Thị S2 chết năm 2011, có chồng là Trần Bá V chết năm 2014, ông bà có 05 người con là Trần Thị M1, Trần Bá T, Trần Bá Th, Trần Thị Tg và Trần Thị Đ.

Trong vụ án này bà S2 và bà Ch là con riêng của cụ Q và cụ C1 nhưng do trong quá trình chung sống các bà vẫn cùng có trách nhiệm với gia đình, cùng anh chị em chăm sóc cụ K khi còn sống và ốm đau. Khi cụ K mất các bà cũng có trách nhiệm lo ma chay, lễ tết như các con cháu trong gia đình và được các hàng thừa kế thống nhất thừa nhận, cùng đề nghị chia tài sản thừa kế cụ K cho bà Ch, bà S2 nên sẽ được phân chia kỷ phần thừa kế giống các đồng thừa kế khác.

Vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ K gồm Bà Lưu Thị S, bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th), bà Lưu Thị Ch, bà Lưu Thị S2. Bà Ch chết do vậy hai người thừa kế thế vị của bà Ch là anh S1, chị M, 05 người thừa kế thế vị của bà Lưu Thị S2 là chị M1, anh T, anh Th, chị Tg và chị Đ. Do vậy phần di sản của cụ K được chia cho 07 kỷ phần là bà S (D), bà Tr, bà H, bà B, bà Tý (Th), bà Ch và bà S2. Kỷ phần của bà Ch được chia thành 02 phần cho anh S1 và chị M. Kỷ phần của bà Sử sẽ được chia thành 05 phần cho chị M1, anh T, anh Th, chị Tg và chị Đ.

2.1. Xét yêu cầu chia thừa kế theo Pháp luật của nguyên đơn: Theo các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ thì năm 1997 cụ K và bà S (D) được nhà nước được giao đất sản xuất đất nông nghiệp theo nghị định 64/CP với tổng diện tích được giao là 1002m2. Năm 1998 nhà nước có thu hồi 39m2, số còn lại là 963m2. Năm 2008 dự án Tây Nam Linh Đàm thu hồi hết và được bồi thường số tiền 463.592.240 đồng và 60m2 đất dịch vụ. Năm 2007 cụ K chết không để lại di chúc. Do vậy phần di sản thừa kế của cụ K là 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ, cụ K chết không có di chúc nên di sản của cụ K được chia theo Pháp luật.

Xác định phần di sản thừa kế cụ K được chia cho 07 kỷ phần thừa kế gồm: bà S (D), bà Tr, bà H, bà B, bà T2(Th), các con bà Ch và các con bà S2. Với số tiền 231.796.120 đồng, mỗi kỷ phần được hưởng là 33.113.731 đồng. Do số tiền không chia đều được cho 7 người nên chia cho bà S (D) 33.113.734 đồng. Kỷ phần của bà Ch được chia thành 02 phần cho anh S1 và chị M, tương ứng mỗi người được hưởng 16.556.731 đồng.

Kỷ phần của bà S được chia thành 05 phần gồm: chị M1, anh T, anh Th, chị Tg và chị Đ, tương ứng mỗi người sẽ được hưởng 6.631.632 đồng.

Đối với diện tích 30m2 đất dịch vụ cũng được chia cho 07 kỷ phần thừa kế của cụ K gồm: bà S (D), bà Tr, bà H, bà B, bà T2 (Th), bà Ch và bà S2. Phần của bà S (D) được hưởng là 4,2m2. Các kỷ phần còn lại mỗi kỷ phần sẽ được hưởng 4,3m2. Do phần diện tích đất chia cho mỗi kỷ phần được hưởng rất nhỏ nên không thể chia 30m2 đất của cụ K bằng hiện vật được vậy Tòa án quyết định giao cho bà Lưu Thị S (D) quản lý, sử dụng toàn bộ và thanh toán giá trị quy đổi từ đất sang thành tiền cho các đồng thừa kế được hưởng tương ứng với số diện tích đất được chia tại thời điểm nhận đất.

Xét yêu cầu của bị đơn:

Bà H yêu cầu Tòa án đình chỉ vụ án và có quan điểm đây là việc gia đình, anh chị em trong gia đình có thể tự giải quyết được. Tuy nhiên HĐXX xét thấy do các bên không thỏa thuận được với nhau mới làm đơn kiện đến Tòa án. Các thừa kế khác đều không đồng ý tự giải quyết. Và trong quá trình tố tụng tại Tòa bà H đều không hợp tác, có tham gia nhưng không ký vào bất cứ văn bản nào của Tòa án giao nên đề nghị đình chỉ của bà H không được chấp nhận.

Xét yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đình S1, chị Nguyễn Thị M, chị Trần Thị M1, anh Trần Bá T, anh Trần Bá Th, chị Trần Thị Tg, chị Trần Thị Đ, bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th) đều không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét công sức: Đây là tiền hỗ trợ bồi thường do Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp và hỗ trợ cho cụ K, bà S (D) 60m2 đất dịch vụ nên các đồng thừa kế không có công sức duy trì, tôn tạo và cũng không có ai yêu cầu gì nên không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 131 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 01 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 623; Điều 649; Điều 650, Điều 651, Điều 653, Điều 654, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 02/2004/HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 01 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị S (D) đối với Bà Lưu Thị H về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Trần Thị K là tiền đền bù, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất sản xuất nông nghiệp.

- Xác định di sản của cụ Trần Thị K là 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ.

-Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Trần Thị K năm 2007. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ K có 07 người, gồm: bà Lưu Thị S (D), bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th), người thừa kế thế vị của bà Ch là anh S1 và chị M và thừa kế thế vị của bà S2 là chị M1, anh T, anh Th, chị Tg, chị Đ (bà Ch và bà S2 là 02 người con riêng của cụ Q và cụ C1). Do vậy, phần di sản của cụ K được chia theo pháp luật và chia đều cho 07 kỷ phần là bà S (D), bà Tr, bà H, bà B, bà T2 (Th), bà Ch và bà S2.

- Kỷ phần thừa kế của bà Ch được chia cho 02 thừa kế thế vị của là anh Nguyễn Đình S1và chị Nguyễn Thị M.

- Kỷ phần của bà S2 được chia cho 05 thừa kế thế vị là chị Trần Thị M1, anh Trần Bá T, anh Trần Bá Th, chị Trần Thị Tg, chị Trần Thị Đ.

- Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Trần Thị K gồm: bà Lưu Thị S (D), bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th), con bà Lưu Thị Ch và con bà Lưu Thị S2.

- Xác định di sản thừa kế chia theo pháp luật của cụ Trần Thị K là 231.796.120 đồng và 30m2 đất dịch vụ.

Di sản thừa kế là 231.796.120 đồng, chia cho bà S (D), bà Tr, bà H, bà B, bà T2 (Th), con bà Ch và con bà S2 mỗi kỷ phần được hưởng là 33.113.731 đồng. Kỷ phần của bà Ch được chia thành 02 phần cho anh S1 và chị M, tương ứng mỗi người được hưởng 16.556.731 đồng.

Kỷ phần của bà S2 được chia thành 05 phần gồm: chị M1, anh T, anh Th, chị Tg và chị Đ, tương ứng mỗi người sẽ được hưởng 6.622.746 đồng.

Tổng công ty phát triển nhà nhà và đô thị (Hud) có trách nhiệm chi trả cho bà Lưu Thị S (D) và những người thừa kế của cụ Lưu Thị K số tiền 463.592.240 đồng cụ thể như sau:

Bà Lưu Thị S (D) được hưởng 264.909.854 đồng (trong đó 33.113.734 đồng là kỹ phần thừa kế)

Bà Lưu Thị H được hưởng: 33.113.731 đồng;

Bà Lưu Thị Tr được hưởng 33.113.731 đồng,

Bà Lưu Thị B được hưởng 33.113.731 đồng;

Bà Lưu Thị T2 (Th) được hưởng 33.113.731 đồng;

Anh Nguyễn Đình S1 được hưởng: 16.556.731 đồng;

Chị Nguyễn Thị M 16.556.731 đồng;

Chị Trần Thị M1 được hưởng 6.622.746 đồng;

Anh Trần Bá T được hưởng 6.622.746 đồng;

Anh Trần Bá Th được hưởng 6.622.746 đồng;

Chị Trần Thị Tg được hưởng 6.622.746 đồng;

Chị Trần Thị Đ được hưởng 6.622.746 đồng.

Di sản thừa kế là diện tích 30m2 đất dịch vụ cũng được chia thành 07 kỷ phần. Chia cho bà S (D) được hưởng 4,2m2. Các kỷ phần còn lại mỗi kỷ phần còn lại sẽ được hưởng 4,3m2. Giao toàn bộ 60m2 ($30m^2$ là của riêng bà S, $30m^2$ là của cụ K) cho bà Lưu Thị S quản lý, sử dụng bà S có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế theo giá trị quy đổi từ đất sang thành tiền cho các đồng thừa kế được hưởng tương ứng với số diện tích đất được chia tại thời điểm nhận đất theo quy định của pháp luật.

Tổng công ty phát triển nhà nhà và đô thị (Hud) có trách nhiệm phối hợp với UBND Quận Hoàng Mai làm thủ tục giao cho bà Lưu Thị S 60m2 đất (trong đó 30m2 đất của bà Lưu Thị S và 30m2 đất dịch vụ phần của cụ K). Bà S được hưởng 4,2m2 được thừa kế của cụ Trần Thị K. Phần còn lại bà S có trách nhiệm thanh toán giá trị quy đổi từ đất thành tiền tương ứng theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế cụ thể:

Thanh toán giá trị 4,3m2 đất dịch vụ cho bà Lưu Thị Tr;

Thanh toán giá trị 4,3m2 đất dịch vụ cho bà Lưu Thị H;

Thanh toán giá trị 4,3m2 đất dịch vụ cho bà Lưu Thị B;

Thanh toán giá trị 4,3m2 đất dịch vụ cho bà Lưu Thị T2 (Th);

Thanh toán giá trị 4,3m2 cho con bà Lưu Thị C (Gồm anh Nguyễn Đình S1và Chị Nguyễn Thị M);

Thanh toán giá trị 4,3m2 cho các con bà Lưu Thị S2 (gồm Chị Trần Thị M1, anh Trần Bá T, anh Trần Bá Th, chị Trần Thị Đ, chị Trần Thị Tg).

2. Về án phí:

Bà Lưu Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000 đồng,được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm S đã nộp 14.379.000 đồng. Trả lại bà Lưu Thị S 12.719.000 đồng theo biên lai số 0001934 ngày 07/04/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

Bà Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th), mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.660.000 đồng.

Anh Nguyễn Đình S1, chị Nguyễn Thị M mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 830.000 đồng.

Chị Trần Thị M1, anh Trần Bá T, anh Trần Bá Th, chị Trần Thị Tg và chị Trần Thị Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 331.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hàn án Dân sự."

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lưu Thị S (D), bà Lưu Thị H, Lưu Thị Tr, bà Lưu Thị B, bà Lưu Thị T2 (Th), anh Nguyễn Đình S1, chị Nguyễn Thị M, chị Trần Thị M1, anh Trần Bá T, anh Trần Bá Th, chị Trần Thị Tg và chị Trần Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tổng công ty phát triển nhà nhà và đô thị (Hud) và Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Long